

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 422/NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày 03 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 3, năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025; số 10/2022/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2022 quy định trình tự, thủ tục chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha; đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ đầu nguồn dưới 50 ha; số 14/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2022 quy định thí điểm về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An tại các nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 2;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 24/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc sửa đổi và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành, liên tịch ban hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường; số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 3, năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 482/BC-KTNS ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 3, năm 2023, cụ thể như sau:

1. Thông qua danh mục thu hồi đất của 20 công trình, dự án, với diện tích 140,8906 ha.

(Chi tiết có Phụ lục số I kèm theo)

2. Chấp thuận chuyển mục đích sử dụng 74,1453 ha đất trồng lúa để thực hiện 11 công trình, dự án; cụ thể là:

a) Chấp thuận chuyển mục đích sử dụng 7,5153 ha đất trồng lúa để thực hiện 09 công trình, dự án.

(Chi tiết có Phụ lục số II kèm theo)

b) Chấp thuận chuyển mục đích sử dụng 66,63 ha đất trồng lúa để thực hiện 02 dự án theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2022.

(Chi tiết có Phụ lục số III kèm theo)

3. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng 14,07 ha rừng sản xuất để thực hiện 03 công trình, dự án.

(Chi tiết có Phụ lục số IV kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này, tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo đúng quy định của pháp luật, sử dụng đất có hiệu quả.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 03 tháng 8 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT;
- TTr HĐND; UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đỗ Trọng Hưng



**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHẤP THUẬN THU HỒI ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HOÁ ĐỢT 3, NĂM 2023**

*(Kèm theo Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

TT	Hạng mục	Tổng diện tích (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)
1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng:	149,3772	140,8906		
I	Huyện Quảng Xương				
*	<i>Khu dân cư đô thị</i>				
1	Khu đô thị phía Đông công sở thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương (Khu dân cư mới tại thị trấn Tân Phong)	48,1362	13,3468 17,9666 4,3728 1,7860 1,2944 2,2334	ODT DGT DKV DGD TMD SKC hiện trạng	Thị trấn Tân Phong
2	Khu dân cư mới kết hợp thương mại dịch vụ tổng hợp phía Tây thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương	22,6547	4,4446 10,1059 3,5110 1,3773 1,1858 0,3858 0,2940	ODT DGT DKV DCH TMD DGD DVH	Thị trấn Tân Phong
II	Huyện Triệu Sơn				
*	<i>Khu dân cư nông thôn</i>				
1	Khu dân cư thôn 6, 7 xã Thọ Cường	1,6613	0,8599 0,7342 0,0672	ONT DGT DKV	Xã Thọ Cường
III	Huyện Yên Định				
*	<i>Khu dân cư đô thị</i>				
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Trại Bò, tổ dân phố Hành Chính, thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định	4,3141	1,7071 2,0253 0,5817	ODT DGT DKV	Thị trấn Yên Lâm
*	<i>Khu dân cư nông thôn</i>				
2	Hạ tầng khu dân cư mới thôn Bái Trại, xã Định Tăng, huyện Yên Định (Giai đoạn 1)	4,2756	1,9994 0,1337 1,7397 0,4028	ONT NVH DGT DKV	Xã Định Tăng
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Bông Ngoài, thôn Sét Thôn, xã Định Hải, huyện Yên Định (Giai đoạn 1)	1,5768	0,6369 0,3766 0,5633	ONT DGT DKV	Xã Định Hải
4	Hạ tầng khu dân cư mới Đồng Tran, xã Định Liên, huyện Yên Định	1,9213	0,7909 0,9502 0,1802	ONT DGT DKV	Xã Định Liên
5	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Duyên Thượng, xã Định Liên, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá	15,0202	4,4576 1,5649 6,8391 1,9615 0,1971	ONT TMD DGT DKV DVH	Xã Định Liên
6	Hạ tầng khu dân cư thôn Phúc Thôn, xã Định Long, huyện Yên Định (giai đoạn 1)	2,6126	1,4002 1,2124	ONT DGT	Xã Định Long
7	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Sâu Xia, thôn 2, xã Yên Thịnh, huyện Yên Định	2,6602	1,4525 1,1380 0,0697	ONT DGT DKV	Xã Yên Thịnh



TT	Hạng mục	Tổng diện tích (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)
1	2	3	4	5	6
8	Điểm xen cư mới Mã Què, thôn Vực Phác, xã Định Liên	0,9871	0,4969 0,4077 0,0825	ONT DGT DKV	Xã Định Liên
9	Hạ tầng khu dân cư mới Sau Chùa, thôn Lạc Trung, xã Yên Trung, huyện Yên Định	2,2568	1,1029 0,9538 0,2001	ONT DGT DKV	Xã Yên Trung
10	Hạ tầng khu dân cư mới Đồng Vùng, thôn Châu Thôn 2, xã Yên Lạc, huyện Yên Định	0,9920	0,4176 0,5216 0,0528	ONT DGT DKV	Xã Yên Lạc
11	Hạ tầng khu dân cư mới Ngõ Thâu, thôn Châu Thôn 2, xã Yên Lạc, huyện Yên Định	0,6168	0,2644 0,3248 0,0276	ONT DGT DKV	Xã Yên Lạc
12	Hạ tầng khu dân cư thôn Ngọc Đô, xã Yên Ninh, huyện Yên Định	5,1826	1,9317 2,5779 0,3452 0,2764 0,0514	ONT DGT TMD DKV DVH	Xã Yên Ninh
13	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Yên Thịnh, huyện Yên Định (Bao gồm cả khu tái định cư dự án Di tích nơi thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên huyện Yên Định)	0,1876	0,1459 0,0360 0,0057	ONT DGT DKV	Xã Yên Thịnh
IV	Huyện Cẩm Thủy				
*	<i>Khu dân cư nông thôn</i>				
1	Điểm dân cư khu Công Chào, xã Cẩm Tú	4,2700	1,5620 0,0915 2,6165	ONT DKV DGT	Xã Cẩm Tú
2	Điểm dân cư khu Đồng Khai Hoang, xã Cẩm Yên	1,3413	0,7440 0,0643 0,5330	ONT DKV DGT	Xã Cẩm Yên
3	Điểm dân cư khu Đồng Cùn, thôn Trung Độ, xã Cẩm Châu	5,3500	2,0312 0,2701 3,0487	ONT DKV DGT	Xã Cẩm Châu
V	Huyện Thiệu Hóa				
*	Cụm công nghiệp				
1	Cụm công nghiệp số 2 Vạn Hà	23,3600	23,3600	SKN	Xã Thiệu Phú

Phụ lục số II:

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHẤP THUẬN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA ĐỢT 3, NĂM 2023**

*(Kèm theo Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa*



TT	Công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đất của dự án (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất			
					LUA (ha)	RPH (ha)	RĐD (ha)	Các loại đất còn lại (ha)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng cộng:			16,4308	7,5153			8,9155
I	Huyện Quảng Xương							
*	Khu dân cư nông thôn							
1	Hạ tầng kỹ thuật mặt bằng quy hoạch khu dân cư thôn Công Trúc, xã Quảng Bình	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương	Xã Quảng Bình	4,4319	1,8875			2,5444
2	Hạ tầng kỹ thuật mặt bằng quy hoạch khu dân cư phía Tây Bắc Trường Mầm non, xã Quảng Lộc	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương	Xã Quảng Lộc	3,927	1,0867			2,8403
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Yên Hưng, xã Quảng Văn	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương	Xã Quảng Văn	1,685	1,1657			0,5193
*	Công trình giao thông							
4	Cầu Tiên Long bắc qua sông Lý xã Quảng Trường	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương	Xã Quảng Trường, xã Quảng Bình	2,6288	0,1419			2,4869
*	Cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp							
5	Cửa hàng xăng dầu và khu thương mại tổng hợp	Công ty TNHH MTV KIN	Xã Quảng Định	0,975	0,6092			0,3658
6	Nhà máy may mặc và may linh kiện giày tại xã Quảng Trạch	Công ty TNHH T&P New Star	Quảng Trạch	1,8849	1,7261			0,1588
II	Huyện Hậu Lộc							
1	Nhà máy may Thành Lộc tại xã Thành Lộc, huyện Hậu Lộc	Công ty TNHH một thành viên YTA	Xã Thành Lộc	0,181	0,181			
III	Huyện Thiệu Hóa							
1	Xưởng gia công may mặc xuất khẩu tại xã Thiệu Long	Công ty Cổ phần Xây dựng Long Thanh Hưng	Xã Thiệu Long	0,4823	0,4823			
IV	Huyện Hà Trung							
1	Cửa hàng xăng dầu Hà Lĩnh	Công ty TNHH Đầu tư dịch vụ Thương mại Long Hưng	Xã Hà Lĩnh	0,2349	0,2349			

Phu lục số III:

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHẤP THUẬN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA ĐỢT 3, NĂM 2023**

(Theo Quyết định ủy quyền số 10/2022/QĐ-TTG ngày 06/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ)

(Kèm theo Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đất của dự án (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất			
					LUA (ha)	RPH (ha)	RĐD (ha)	Các loại đất còn lại (ha)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
TỔNG CỘNG				79,28	66,63			12,65
1	Đường giao thông nối Quốc lộ 45, xã Định Liên với Quốc lộ 47B xã Yên Trường	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Định	Xã Định Liên, xã Yên Ninh, xã Yên Phong, xã Yên Thái, xã Yên Trường, huyện Yên Định	19,28	14,63			4,65
2	Cụm công nghiệp Quảng Yên	Công ty TNHH Thương mại đầu tư bất động sản Đại Lộc	Xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương	60,0	52,0			8,0

Phu lục số IV:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA, ĐỢT 3 NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện	Diện tích rừng chuyển mục đích (ha)	Đối tượng rừng (ha)		
						RSX	RPH	RDD
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng cộng:					14,07	14,07		
1	Đường nội thị trấn Hồi Xuân từ khu 1 đến khu 7 tại thị trấn Quan Hóa	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	Thị trấn Quan Hóa	Huyện Quan Hóa	7,93	7,93		
2	Xử lý khẩn cấp sạt lở bờ tả sông Cầu Chày đoạn từ K17+170 đến K17+670.	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Định.	Xã Yên Thịnh	Huyện Yên Định	0,519	0,519		
3	Trường bắn, thao trường huấn luyện Ban Chỉ huy Quân sự huyện Nông Cống.	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Nông Cống	Xã Vạn Thắng	Huyện Nông Cống	5,621	5,621		